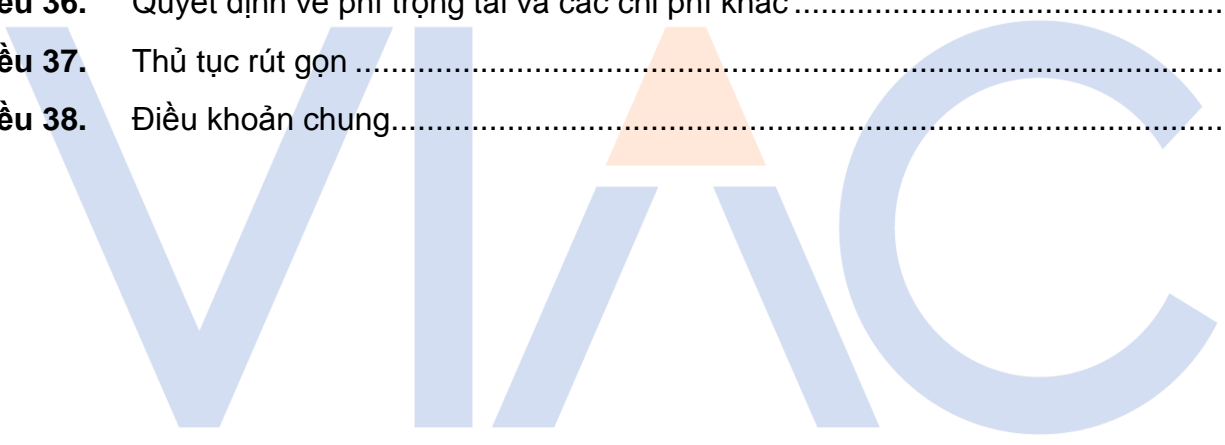


**QUY TẮC TỔ TỤNG TRỌNG TÀI
CỦA TRUNG TÂM TRỌNG TÀI QUỐC TẾ VIỆT NAM
(Có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2017)**

MỤC LỤC

Điều 1.	Phạm vi áp dụng.....	3
Điều 2.	Giải thích từ ngữ.....	3
Điều 3.	Việc gửi thông báo, tài liệu; cách tính thời hạn	3
Điều 4.	Tham gia tố tụng trọng tài.....	4
Điều 5.	Bắt đầu tố tụng trọng tài	4
Điều 6.	Tranh chấp từ nhiều hợp đồng	4
Điều 7.	Đơn khởi kiện	5
Điều 8.	Gửi Thông báo và Đơn khởi kiện	5
Điều 9.	Bản tự bảo vệ.....	6
Điều 10.	Đơn kiện lại	7
Điều 11.	Số lượng Trọng tài viên.....	8
Điều 12.	Thành lập Hội đồng Trọng tài gồm ba Trọng tài viên.....	8
Điều 13.	Thành lập Hội đồng Trọng tài gồm Trọng tài viên duy nhất.....	9
Điều 14.	Rút Đơn khởi kiện, Đơn kiện lại; sửa đổi, bổ sung Đơn khởi kiện, Đơn kiện lại, Bản tự bảo vệ và Bản tự bảo vệ đối với Đơn kiện lại	10
Điều 15.	Gộp nhiều vụ tranh chấp vào một vụ tranh chấp.....	10
Điều 16.	Các quy định chung đối với Trọng tài viên	10
Điều 17.	Thay đổi Trọng tài viên	11
Điều 18.	Thẩm quyền xác minh sự việc của Hội đồng Trọng tài.....	13
Điều 19.	Thẩm quyền thu thập chứng cứ của Hội đồng Trọng tài	13
Điều 20.	Thẩm quyền triệu tập người làm chứng của Hội đồng Trọng tài	14
Điều 21.	Thẩm quyền áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của Hội đồng Trọng tài	14
Điều 22.	Địa điểm trọng tài	15
Điều 23.	Ngôn ngữ trọng tài.....	15
Điều 24.	Luật áp dụng giải quyết vụ tranh chấp.....	16

Điều 25.	Phiên họp giải quyết vụ tranh chấp	16
Điều 26.	Hoãn phiên họp giải quyết vụ tranh chấp	17
Điều 27.	Việc vắng mặt của các bên	18
Điều 28.	Thẩm quyền của Hội đồng Trọng tài	18
Điều 29.	Hòa giải	19
Điều 30.	Đình chỉ giải quyết vụ tranh chấp	19
Điều 31.	Nguyên tắc lập Phán quyết trọng tài và các Quyết định của Hội đồng Trọng tài	20
Điều 32.	Phán quyết trọng tài	20
Điều 33.	Sửa chữa và giải thích Phán quyết trọng tài; lập Phán quyết trọng tài bổ sung	21
Điều 34.	Phí trọng tài	22
Điều 35.	Việc nộp phí trọng tài.....	23
Điều 36.	Quyết định về phí trọng tài và các chi phí khác	24
Điều 37.	Thủ tục rút gọn	24
Điều 38.	Điều khoản chung.....	25



QUY TẮC TỔ TỤNG TRỌNG TÀI CỦA TRUNG TÂM TRỌNG TÀI QUỐC TẾ VIỆT NAM

(có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2017)

Điều 1. Phạm vi áp dụng

1. Quy tắc tổ tụng trọng tài của Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (“Quy tắc”) được áp dụng để giải quyết các vụ tranh chấp tại Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam.
2. Quy tắc này được áp dụng để giải quyết các vụ tranh chấp có tổ tụng trọng tài bắt đầu từ ngày 01 tháng 03 năm 2017, trừ khi các bên có thỏa thuận khác.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy tắc này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “*Trung tâm*” là Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam hoặc Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam bên cạnh Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam.
2. “*Danh sách Trọng tài viên*” là Danh sách Trọng tài viên của Trung tâm.
3. “*Hội đồng Trọng tài*” gồm ba Trọng tài viên hoặc Trọng tài viên duy nhất.
4. “*Nguyên đơn*” gồm một hoặc nhiều nguyên đơn; “*Bị đơn*” gồm một hoặc nhiều bị đơn.

Điều 3. Việc gửi thông báo, tài liệu; cách tính thời hạn

1. Thông báo, tài liệu do một bên gửi tới Trung tâm phải đủ số bản để Trung tâm gửi tới thành viên của Hội đồng Trọng tài mỗi người một bản, tới bên kia một bản và lưu một bản.
2. Thông báo, tài liệu được Trung tâm gửi tới các bên theo địa chỉ được các bên cung cấp và có thể gửi bằng cách giao trực tiếp, thư bảo đảm, fax, thư điện tử hoặc bằng bất kỳ phương thức nào khác có ghi nhận việc gửi này.

3. Thông báo, tài liệu do Trung tâm gửi tới các bên được coi là đã nhận vào ngày mà các bên đã nhận, hoặc được coi là đã nhận vào ngày giao nếu thông báo, tài liệu đó được gửi phù hợp với khoản 2 Điều này.
4. Thời hạn quy định trong Quy tắc này bắt đầu được tính từ ngày tiếp theo của ngày mà thông báo, tài liệu được coi là đã nhận theo quy định tại khoản 3 Điều này. Nếu ngày tiếp theo không phải là ngày làm việc theo quy định tại nơi nhận thì thời hạn này bắt đầu được tính từ ngày làm việc đầu tiên tiếp theo; nếu ngày cuối cùng của thời hạn không phải là ngày làm việc theo quy định tại nơi nhận thì thời hạn này kết thúc vào cuối ngày làm việc đầu tiên tiếp theo. Những ngày không phải là ngày làm việc trong thời hạn được tính vào thời hạn.

Điều 4. Tham gia tổ tụng trọng tài

1. Các bên có thể trực tiếp tham gia hoặc ủy quyền bằng văn bản cho người đại diện tham gia tổ tụng trọng tài.
2. Hội đồng Trọng tài hoặc Trung tâm, nếu Hội đồng Trọng tài chưa được thành lập, có quyền yêu cầu các bên cung cấp chứng cứ chứng minh thẩm quyền của người tham gia tổ tụng trọng tài.

Điều 5. Bắt đầu tổ tụng trọng tài

Trừ khi các bên có thỏa thuận khác, tổ tụng trọng tài bắt đầu từ ngày Trung tâm nhận được Đơn khởi kiện của Nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 7 của Quy tắc này.

Điều 6. Tranh chấp từ nhiều hợp đồng

Các yêu cầu khởi kiện phát sinh từ hoặc liên quan đến nhiều hơn một hợp đồng có thể được gộp trong một Đơn khởi kiện để được giải quyết trong một vụ tranh chấp cho dù các yêu cầu đó được lập trên cơ sở một hoặc nhiều thỏa thuận trọng tài.

Điều 7. Đơn khởi kiện

1. Một bên muốn khởi kiện ra Trung tâm phải gửi Đơn khởi kiện tới Trung tâm.
2. Đơn khởi kiện phải có các nội dung sau đây:
 - a) Ngày, tháng, năm làm Đơn khởi kiện;
 - b) Tên, địa chỉ của các bên;
 - c) Tóm tắt nội dung của vụ tranh chấp;
 - d) Cơ sở khởi kiện;
 - đ) Trị giá của vụ tranh chấp và các yêu cầu khởi kiện khác của Nguyên đơn;
 - e) Tên của người được Nguyên đơn chọn làm Trọng tài viên hoặc yêu cầu Trung tâm chỉ định Trọng tài viên theo quy định tại khoản 1 Điều 12 hoặc Điều 13 của Quy tắc này;
 - g) Chữ ký của người đại diện theo pháp luật hoặc của người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp Nguyên đơn là tổ chức; chữ ký của cá nhân hoặc của người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp Nguyên đơn là cá nhân.
3. Kèm theo Đơn khởi kiện phải có thỏa thuận trọng tài và các tài liệu khác có liên quan.
4. Đơn khởi kiện, thỏa thuận trọng tài và các tài liệu khác có liên quan phải được gửi đủ số bản theo quy định tại khoản 1 Điều 3 của Quy tắc này.

Điều 8. Gửi Thông báo và Đơn khởi kiện

Trừ khi các bên có thỏa thuận khác về thời hạn, trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Trung tâm nhận được Đơn khởi kiện, thỏa thuận trọng tài, các tài liệu khác có liên quan và phí trọng tài theo quy định tại Điều 35 của Quy tắc này, Trung tâm gửi tới Bị đơn Thông báo, Đơn khởi kiện, thỏa thuận trọng tài và các tài liệu khác có liên quan.

Điều 9. Bản tự bảo vệ

1. Trừ khi các bên có thỏa thuận khác về thời hạn, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày nhận được Thông báo, Đơn khởi kiện, thỏa thuận trọng tài và các tài liệu khác có liên quan, Bị đơn phải gửi tới Trung tâm Bản tự bảo vệ. Bản tự bảo vệ phải có các nội dung sau đây:

a) Ngày, tháng, năm làm Bản tự bảo vệ;

b) Tên, địa chỉ của Bị đơn;

c) Cơ sở tự bảo vệ;

d) Tên của người được Bị đơn chọn làm Trọng tài viên hoặc yêu cầu Trung tâm chỉ định Trọng tài viên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 hoặc Điều 13 của Quy tắc này;

đ) Chữ ký của người đại diện theo pháp luật hoặc của người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp Bị đơn là tổ chức; chữ ký của cá nhân hoặc của người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp Bị đơn là cá nhân.

Trong trường hợp Bị đơn cho rằng thỏa thuận trọng tài không tồn tại, thỏa thuận trọng tài vô hiệu hoặc thỏa thuận trọng tài không thể thực hiện được thì Bị đơn phải nêu rõ trong Bản tự bảo vệ. Nếu Bị đơn không nêu rõ điều đó trong Bản tự bảo vệ thì Bị đơn mất quyền phản đối. Trong trường hợp này, Bị đơn vẫn phải chọn Trọng tài viên hoặc yêu cầu Trung tâm chỉ định Trọng tài viên.

2. Trung tâm có thể gia hạn thời hạn gửi Bản tự bảo vệ khi có yêu cầu gia hạn của Bị đơn. Yêu cầu gia hạn phải được lập bằng văn bản và phải gửi để Trung tâm nhận được trước khi hết thời hạn gửi Bản tự bảo vệ hoặc trước khi hết thời hạn gia hạn gửi Bản tự bảo vệ.

Trong trường hợp có yêu cầu gia hạn thời hạn gửi Bản tự bảo vệ, Bị đơn vẫn phải chọn Trọng tài viên hoặc yêu cầu Trung tâm chỉ định Trọng tài viên trong thời hạn 30 ngày theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Bản tự bảo vệ và các tài liệu có liên quan phải được gửi đủ số bản theo quy định tại khoản 1 Điều 3 của Quy tắc này.

4. Tố tụng trọng tài vẫn được tiến hành kể cả khi Bị đơn không gửi Bản tự bảo vệ.

Điều 10. Đơn kiện lại

1. Bị đơn có quyền kiện lại Nguyên đơn. Đơn kiện lại phải căn cứ vào thỏa thuận trọng tài mà dựa vào đó Nguyên đơn đã khởi kiện Bị đơn. Đơn kiện lại phải bằng văn bản riêng, độc lập với Bản tự bảo vệ. Đơn kiện lại phải được gửi tới Trung tâm vào cùng thời điểm gửi Bản tự bảo vệ.
2. Đơn kiện lại phải có các nội dung sau đây:
 - a) Ngày, tháng, năm làm Đơn kiện lại;
 - b) Tên, địa chỉ của các bên;
 - c) Tóm tắt nội dung của vụ kiện lại;
 - d) Cơ sở kiện lại;
 - đ) Trị giá của vụ kiện lại và các yêu cầu khác của Bị đơn;
 - e) Chữ ký của người đại diện theo pháp luật hoặc của người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp Bị đơn là tổ chức; chữ ký của cá nhân hoặc của người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp Bị đơn là cá nhân.
3. Đơn kiện lại và các tài liệu có liên quan phải được gửi đủ số bản theo quy định tại khoản 1 Điều 3 của Quy tắc này.
4. Trừ khi các bên có thỏa thuận khác về thời hạn, trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được Đơn kiện lại, các tài liệu có liên quan và phí trọng tài được quy định tại Điều 35 của Quy tắc này, Trung tâm gửi tới Nguyên đơn Thông báo, Đơn kiện lại và các tài liệu có liên quan.
5. Trừ khi các bên có thỏa thuận khác về thời hạn, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày nhận được Thông báo, Đơn kiện lại và các tài liệu có liên quan, Nguyên đơn phải gửi tới Trung tâm Bản tự bảo vệ đối với Đơn kiện lại đủ số bản theo quy định tại khoản 1 Điều 3 của Quy tắc này.
6. Đơn kiện lại được giải quyết đồng thời bởi chính Hội đồng Trọng tài giải quyết Đơn khởi kiện của Nguyên đơn.

Điều 11. Số lượng Trọng tài viên

1. Vụ tranh chấp được giải quyết bởi Hội đồng Trọng tài gồm ba Trọng tài viên hoặc Trọng tài viên duy nhất.
2. Trong trường hợp các bên không có thỏa thuận vụ tranh chấp được giải quyết bởi Hội đồng Trọng tài gồm Trọng tài viên duy nhất thì vụ tranh chấp được giải quyết bởi Hội đồng Trọng tài gồm ba Trọng tài viên.

Điều 12. Thành lập Hội đồng Trọng tài gồm ba Trọng tài viên

1. Trừ khi các bên có thỏa thuận khác, Nguyên đơn phải chọn hoặc yêu cầu Trung tâm chỉ định một Trọng tài viên. Trong trường hợp có nhiều Nguyên đơn thì các Nguyên đơn phải thống nhất chọn một Trọng tài viên hoặc thống nhất yêu cầu Trung tâm chỉ định một Trọng tài viên và phải thông báo cho Trung tâm. Trong trường hợp tên của người được chọn làm Trọng tài viên không có trong Danh sách Trọng tài viên thì Nguyên đơn phải thông báo cho Trung tâm địa chỉ liên lạc của Trọng tài viên này.

Trong trường hợp Nguyên đơn yêu cầu Trung tâm chỉ định Trọng tài viên, trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu này, Chủ tịch Trung tâm ra quyết định chỉ định một Trọng tài viên thay cho Nguyên đơn.

2. Trừ khi các bên có thỏa thuận khác, Bị đơn phải chọn một Trọng tài viên hoặc yêu cầu Trung tâm chỉ định một Trọng tài viên và phải thông báo cho Trung tâm trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày nhận được Thông báo, Đơn khởi kiện, thỏa thuận trọng tài và các tài liệu khác có liên quan. Trong trường hợp có nhiều Bị đơn thì các Bị đơn phải thống nhất chọn một Trọng tài viên hoặc thống nhất yêu cầu Trung tâm chỉ định một Trọng tài viên và phải thông báo cho Trung tâm. Trong trường hợp tên của người được chọn làm Trọng tài viên không có trong Danh sách Trọng tài viên thì Bị đơn phải thông báo cho Trung tâm địa chỉ liên lạc của Trọng tài viên này.

Trong trường hợp Bị đơn yêu cầu Trung tâm chỉ định Trọng tài viên, trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu này, Chủ tịch Trung tâm ra quyết định chỉ định một Trọng tài viên thay cho Bị đơn.

Trong trường hợp Bị đơn không chọn Trọng tài viên hoặc không yêu cầu Trung tâm chỉ định Trọng tài viên trong thời hạn 30 ngày nêu trên, trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày hết thời hạn, Chủ tịch Trung tâm ra quyết định chỉ định một Trọng tài viên thay cho Bị đơn. Trong trường hợp có nhiều Bị đơn, nếu các Bị đơn không thống nhất chọn một Trọng tài viên hoặc không thống nhất yêu cầu Trung tâm chỉ định một Trọng tài viên trong thời hạn 30 ngày nêu trên, trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày hết thời hạn, Chủ tịch Trung tâm ra quyết định chỉ định một Trọng tài viên thay cho các Bị đơn.

3. Trừ khi các bên có thỏa thuận khác, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Trọng tài viên được Bị đơn chọn hoặc được Chủ tịch Trung tâm chỉ định nhận được thông báo về việc được chọn hoặc được chỉ định làm Trọng tài viên, các Trọng tài viên phải bầu người thứ ba làm Chủ tịch Hội đồng Trọng tài và thông báo cho Trung tâm. Hết thời hạn này mà Trung tâm không nhận được thông báo về việc bầu Chủ tịch Hội đồng Trọng tài thì trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày hết thời hạn, Chủ tịch Trung tâm ra quyết định chỉ định Chủ tịch Hội đồng Trọng tài.
4. Khi ra quyết định theo quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này và Điều 13 của Quy tắc này, Chủ tịch Trung tâm cân nhắc các tiêu chuẩn cần thiết của Trọng tài viên theo thỏa thuận của các bên và theo Quy tắc này và cân nhắc việc Trọng tài viên được chỉ định có đủ thời gian hay không để giải quyết vụ tranh chấp có hiệu quả.

Điều 13. Thành lập Hội đồng Trọng tài gồm Trọng tài viên duy nhất

Trừ khi các bên có thỏa thuận khác, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày Bị đơn nhận được Thông báo, Đơn khởi kiện, thỏa thuận trọng tài và các tài liệu khác có liên quan, các bên phải thống nhất chọn Trọng tài viên duy nhất hoặc yêu cầu Trung tâm chỉ định Trọng tài viên duy nhất và phải thông báo cho Trung tâm. Trong trường hợp tên của người được chọn làm Trọng tài viên duy nhất không có trong Danh sách Trọng tài viên thì các bên phải thông báo cho Trung tâm địa chỉ liên lạc của Trọng tài viên này.

Trong trường hợp Trung tâm không nhận được thông báo này, trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày hết thời hạn 30 ngày nêu trên, Chủ tịch Trung tâm ra quyết định chỉ định Trọng tài viên duy nhất.

Điều 14. Rút Đơn khởi kiện, Đơn kiện lại; sửa đổi, bổ sung Đơn khởi kiện, Đơn kiện lại, Bản tự bảo vệ và Bản tự bảo vệ đối với Đơn kiện lại

1. Trước khi Hội đồng Trọng tài lập Phán quyết trọng tài, các bên có quyền rút Đơn khởi kiện, Đơn kiện lại.
2. Các bên có thể sửa đổi, bổ sung Đơn khởi kiện, Đơn kiện lại, Bản tự bảo vệ và Bản tự bảo vệ đối với Đơn kiện lại trước thời điểm kết thúc phiên họp cuối cùng giải quyết vụ tranh chấp. Việc sửa đổi, bổ sung phải được lập thành văn bản đủ số bản theo quy định tại khoản 1 Điều 3 của Quy tắc này. Hội đồng Trọng tài có quyền không chấp nhận các sửa đổi, bổ sung này nếu thấy rằng các sửa đổi, bổ sung đó bị lạm dụng nhằm gây khó khăn, trì hoãn việc ra Phán quyết trọng tài hoặc vượt quá phạm vi thỏa thuận trọng tài áp dụng cho vụ tranh chấp.

Điều 15. Gộp nhiều vụ tranh chấp vào một vụ tranh chấp

1. Các bên có thể thỏa thuận gộp nhiều vụ tranh chấp vào một vụ tranh chấp. Trung tâm quyết định việc gộp hay không gộp nhiều vụ tranh chấp vào một vụ tranh chấp sau khi cân nhắc các yếu tố có liên quan.
2. Trừ khi các bên có thỏa thuận khác, các vụ tranh chấp được gộp vào vụ tranh chấp có tổ tụng trọng tài bắt đầu đầu tiên.

Điều 16. Các quy định chung đối với Trọng tài viên

1. Khi nhận được thông báo về việc được chọn hoặc được chỉ định làm Trọng tài viên và trong quá trình tổ tụng trọng tài, người được chọn hoặc được chỉ định làm Trọng tài viên phải thông báo kịp thời cho Trung tâm về bất kỳ sự việc nào có thể gây nghi ngờ về sự vô tư, độc lập và khách quan của mình để Trung tâm thông báo cho các bên.

2. Trọng tài viên không được hành động như là luật sư của bất kỳ bên nào.
3. Người được chọn hoặc được chỉ định làm Trọng tài viên không được làm Trọng tài viên trong các trường hợp sau:
 - a) Là người thân thích hoặc là người đại diện của một bên;
 - b) Có lợi ích liên quan trong vụ tranh chấp;
 - c) Đã là hòa giải viên, người đại diện, luật sư của bất kỳ bên nào trong chính vụ tranh chấp đang được đưa ra giải quyết tại Trung tâm, trừ khi các bên có chấp thuận bằng văn bản;
 - d) Có căn cứ rõ ràng cho thấy Trọng tài viên không vô tư, độc lập hoặc không khách quan;
 - đ) Không đáp ứng tiêu chuẩn cụ thể mà các bên đã thỏa thuận;
 - e) Không đáp ứng tiêu chuẩn theo pháp luật trọng tài được áp dụng.
4. Trong quá trình tố tụng trọng tài, Trọng tài viên không được gặp hoặc liên lạc riêng với bất kỳ bên nào; không bên nào được gặp hoặc liên lạc riêng với Trọng tài viên để trao đổi các vấn đề liên quan đến vụ tranh chấp.
5. Trong trường hợp các bên có thỏa thuận về tiêu chuẩn cụ thể của Trọng tài viên thì Trọng tài viên được xem là đáp ứng tiêu chuẩn đó, trừ khi một bên, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày nhận được thông báo về Trọng tài viên được chọn hoặc được chỉ định, có yêu cầu thay đổi Trọng tài viên với lý do Trọng tài viên đó không đủ tiêu chuẩn mà các bên đã thỏa thuận. Việc thay đổi Trọng tài viên trong trường hợp này được thực hiện theo quy định tại Điều 17 của Quy tắc này.

Điều 17. Thay đổi Trọng tài viên

1. Trọng tài viên phải từ chối giải quyết vụ tranh chấp, các bên có quyền yêu cầu thay đổi Trọng tài viên nếu Trọng tài viên thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 16 của Quy tắc này.
2. Đơn từ chối giải quyết vụ tranh chấp của Trọng tài viên, Đơn yêu cầu thay đổi Trọng tài viên của một bên hoặc các bên phải được gửi tới Trung tâm. Nếu Hội

đồng Trọng tài chưa được thành lập, việc thay đổi Trọng tài viên do Chủ tịch Trung tâm quyết định. Nếu Hội đồng Trọng tài đã được thành lập, việc thay đổi Trọng tài viên do các thành viên còn lại của Hội đồng Trọng tài quyết định; nếu các thành viên còn lại của Hội đồng Trọng tài không quyết định được thì Chủ tịch Trung tâm quyết định. Trong các trường hợp khác, việc thay đổi Trọng tài viên do Chủ tịch Trung tâm quyết định.

Trong trường hợp Hội đồng Trọng tài gồm Trọng tài viên duy nhất, việc thay đổi Trọng tài viên duy nhất do Chủ tịch Trung tâm quyết định.

Quyết định của các thành viên còn lại của Hội đồng Trọng tài hoặc Chủ tịch Trung tâm về việc thay đổi Trọng tài viên có thể không nêu căn cứ ra quyết định. Quyết định này là cuối cùng.

3. Trường hợp các thành viên còn lại của Hội đồng Trọng tài hoặc Chủ tịch Trung tâm quyết định thay đổi Trọng tài viên thì Trọng tài viên thay thế được chọn hoặc được chỉ định theo các quy định tại Điều 12 hoặc Điều 13 của Quy tắc này. Các bên không được chọn Trọng tài viên đã bị thay đổi, Chủ tịch Trung tâm không được chỉ định Trọng tài viên đã bị thay đổi.

Trường hợp các thành viên còn lại của Hội đồng Trọng tài hoặc Chủ tịch Trung tâm quyết định không thay đổi Trọng tài viên thì Trọng tài viên này phải tiếp tục giải quyết vụ tranh chấp.

4. Trung tâm hoặc Hội đồng Trọng tài có thể ấn định các chi phí phát sinh từ việc thay đổi Trọng tài viên và quyết định một bên hoặc các bên phải chịu chi phí đó.
5. Trong trường hợp Trọng tài viên chết hoặc vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan mà không thể tiếp tục tham gia giải quyết vụ tranh chấp thì việc chọn hoặc chỉ định Trọng tài viên thay thế được thực hiện theo quy định tại Điều 12 hoặc Điều 13 của Quy tắc này.
6. Sau khi tham khảo ý kiến của các bên, Hội đồng Trọng tài có thể xem xét lại những vấn đề đã được đưa ra tại các phiên họp giải quyết vụ tranh chấp diễn ra trước đó.

Điều 18. Thẩm quyền xác minh sự việc của Hội đồng Trọng tài

Hội đồng Trọng tài có quyền gặp hoặc trao đổi với một bên với sự tham gia của bên kia bằng các hình thức thích hợp để làm rõ các vấn đề có liên quan đến vụ tranh chấp. Hội đồng Trọng tài có thể tự mình hoặc theo yêu cầu của một hoặc các bên, tìm hiểu sự việc từ người thứ ba với sự có mặt của các bên hoặc sau khi đã thông báo cho các bên biết.

Điều 19. Thẩm quyền thu thập chứng cứ của Hội đồng Trọng tài

1. Hội đồng Trọng tài có quyền yêu cầu các bên cung cấp chứng cứ; các bên có nghĩa vụ phải cung cấp chứng cứ.
2. Hội đồng Trọng tài có quyền yêu cầu người làm chứng cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến vụ tranh chấp theo yêu cầu của một bên hoặc của các bên.
3. Hội đồng Trọng tài, tự mình hoặc theo yêu cầu của một bên hoặc các bên, có quyền trưng cầu giám định, định giá tài sản trong vụ tranh chấp. Chi phí giám định, định giá tài sản do bên yêu cầu nộp hoặc do Hội đồng Trọng tài phân bổ. Trong mọi trường hợp, nếu chi phí giám định, định giá tài sản không được nộp đủ thì Hội đồng Trọng tài giải quyết vụ tranh chấp trên cơ sở hồ sơ hiện có.
4. Hội đồng Trọng tài, tự mình hoặc theo yêu cầu của một bên hoặc các bên, có quyền tham vấn ý kiến của chuyên gia. Hội đồng Trọng tài có quyền yêu cầu các bên cung cấp cho chuyên gia các thông tin có liên quan, hoặc cho phép chuyên gia tiếp cận các tài liệu, hàng hóa hoặc tài sản có liên quan. Chuyên gia phải nộp báo cáo bằng văn bản cho Hội đồng Trọng tài. Sau khi nhận được báo cáo, Hội đồng Trọng tài gửi bản sao của báo cáo đó cho các bên và yêu cầu các bên cho ý kiến bằng văn bản về báo cáo. Chi phí tham vấn chuyên gia do bên yêu cầu chịu hoặc do Hội đồng Trọng tài phân bổ. Trong mọi trường hợp, nếu chi phí tham vấn chuyên gia không được nộp đủ thì Hội đồng Trọng tài giải quyết vụ tranh chấp trên cơ sở hồ sơ hiện có.
5. Trong trường hợp Hội đồng Trọng tài, một bên hoặc các bên đã áp dụng các biện pháp cần thiết để thu thập chứng cứ mà vẫn không thể tự mình thu thập được thì

có thể gửi văn bản đề nghị Tòa án có thẩm quyền hỗ trợ theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Thẩm quyền triệu tập người làm chứng của Hội đồng Trọng tài

1. Theo yêu cầu của một bên hoặc các bên và xét thấy cần thiết, Hội đồng Trọng tài có quyền triệu tập người làm chứng có mặt tại phiên họp giải quyết vụ tranh chấp. Chi phí cho người làm chứng do bên yêu cầu triệu tập người làm chứng chịu hoặc do Hội đồng Trọng tài phân bổ.
2. Trường hợp người làm chứng đã được Hội đồng Trọng tài triệu tập hợp lệ mà không đến dự phiên họp giải quyết vụ tranh chấp nhưng không có lý do chính đáng và việc vắng mặt của họ gây khó khăn cho việc giải quyết vụ tranh chấp thì Hội đồng Trọng tài có thể gửi văn bản đề nghị Tòa án có thẩm quyền ra quyết định triệu tập người làm chứng đến dự phiên họp giải quyết vụ tranh chấp. Văn bản đề nghị phải nêu rõ nội dung vụ tranh chấp đang được giải quyết; họ và tên, địa chỉ của người làm chứng; lý do cần triệu tập người làm chứng; thời gian, địa điểm người làm chứng cần phải có mặt.
3. Nếu người làm chứng đã được triệu tập hợp lệ mà vắng mặt thì Hội đồng Trọng tài quyết định hoãn phiên họp giải quyết vụ tranh chấp hoặc vẫn tiến hành phiên họp giải quyết vụ tranh chấp trên cơ sở hồ sơ hiện có.

Điều 21. Thẩm quyền áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của Hội đồng Trọng tài

1. Theo yêu cầu của một bên, Hội đồng Trọng tài có thể áp dụng một hoặc một số biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với các bên tranh chấp. Các biện pháp khẩn cấp tạm thời bao gồm:
 - a) Cấm thay đổi hiện trạng tài sản đang tranh chấp;
 - b) Cấm hoặc buộc bất kỳ bên tranh chấp nào thực hiện một hoặc một số hành vi nhất định nhằm ngăn ngừa các hành vi ảnh hưởng bất lợi đến tố tụng trọng tài;
 - c) Kê biên tài sản đang tranh chấp;

- d) Yêu cầu bảo tồn, cất trữ, bán hoặc định đoạt bất kỳ tài sản nào của một bên hoặc các bên tranh chấp;
 - đ) Yêu cầu tạm thời về việc trả tiền giữa các bên;
 - e) Cấm chuyển dịch quyền về tài sản đối với tài sản đang tranh chấp.
2. Trình tự, thủ tục áp dụng, thay đổi, bổ sung, hủy bỏ áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.
 3. Trong quá trình tố tụng trọng tài, nếu một trong các bên đã yêu cầu Tòa án áp dụng một hoặc một số biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quy định tại khoản 1 Điều này mà sau đó lại có đơn yêu cầu Hội đồng Trọng tài áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời thì Hội đồng Trọng tài phải từ chối. Bên yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phải thông báo ngay cho Trung tâm biết về yêu cầu này.
 4. Việc yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời không bị coi là sự từ bỏ thỏa thuận trọng tài hoặc khước từ quyền được giải quyết tranh chấp bằng trọng tài.

Điều 22. Địa điểm trọng tài

1. Địa điểm trọng tài do các bên thỏa thuận. Trong trường hợp không có thỏa thuận thì Hội đồng Trọng tài quyết định địa điểm trọng tài mà Hội đồng Trọng tài cho là phù hợp.
2. Hội đồng Trọng tài có thể tiến hành các phiên họp giải quyết vụ tranh chấp tại bất kỳ nơi nào mà Hội đồng Trọng tài cho là phù hợp, trừ khi các bên có thỏa thuận khác. Hội đồng Trọng tài có thể tổ chức các cuộc họp bằng hình thức và tại bất kỳ nơi nào mà Hội đồng Trọng tài cho là phù hợp.

Điều 23. Ngôn ngữ trọng tài

1. Đối với vụ tranh chấp không có yếu tố nước ngoài, ngôn ngữ trọng tài là tiếng Việt.
2. Đối với vụ tranh chấp có yếu tố nước ngoài hoặc vụ tranh chấp trong đó có ít nhất một bên là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thì ngôn ngữ trọng tài do các

bên thỏa thuận. Trong trường hợp các bên không có thỏa thuận, Hội đồng Trọng tài quyết định ngôn ngữ hoặc các ngôn ngữ sử dụng trong tố tụng trọng tài, có tính đến các yếu tố có liên quan bao gồm ngôn ngữ của hợp đồng.

3. Nếu một tài liệu được lập bằng ngôn ngữ không phải là ngôn ngữ trọng tài thì Hội đồng Trọng tài hoặc Trung tâm, nếu Hội đồng Trọng tài chưa được thành lập, có thể yêu cầu một bên hoặc các bên cung cấp bản dịch.

Điều 24. Luật áp dụng giải quyết vụ tranh chấp

1. Đối với vụ tranh chấp không có yếu tố nước ngoài, Hội đồng Trọng tài áp dụng pháp luật Việt Nam.
2. Đối với vụ tranh chấp có yếu tố nước ngoài, Hội đồng Trọng tài áp dụng pháp luật do các bên thỏa thuận; trong trường hợp các bên không có thỏa thuận về pháp luật áp dụng thì Hội đồng Trọng tài quyết định áp dụng pháp luật mà Hội đồng Trọng tài cho là phù hợp nhất.
3. Trong mọi trường hợp, Hội đồng Trọng tài phải xem xét các điều khoản của hợp đồng, nếu có, để giải quyết vụ tranh chấp.
4. Hội đồng Trọng tài có thể áp dụng tập quán thích hợp để giải quyết vụ tranh chấp.

Điều 25. Phiên họp giải quyết vụ tranh chấp

1. Thời gian và nơi tiến hành phiên họp giải quyết vụ tranh chấp do Hội đồng Trọng tài quyết định, trừ khi các bên có thỏa thuận khác. Hội đồng Trọng tài có thể tiến hành phiên họp giải quyết vụ tranh chấp bằng hình thức teleconference, video-conference hoặc các hình thức thích hợp khác nếu các bên có thỏa thuận.
2. Giấy triệu tập tham dự phiên họp giải quyết vụ tranh chấp được Trung tâm gửi cho các bên chậm nhất là 15 ngày trước ngày mở phiên họp, trừ khi các bên có thỏa thuận khác. Trường hợp hoãn phiên họp hoặc Hội đồng Trọng tài quyết định mở phiên họp tiếp theo, thời hạn gửi giấy triệu tập do Hội đồng Trọng tài quyết định, trừ khi các bên có thỏa thuận khác.

3. Phiên họp giải quyết vụ tranh chấp không công khai, trừ khi các bên có thỏa thuận khác.

Các bên có quyền mời người làm chứng, mời người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp tham dự phiên họp giải quyết vụ tranh chấp và phải thông báo cho Hội đồng Trọng tài trước ngày mở phiên họp giải quyết vụ tranh chấp. Hội đồng Trọng tài tự mình hoặc theo yêu cầu của một bên, có quyền mời tổ chức, cá nhân giám định, định giá tài sản và chuyên gia theo quy định tại Điều 19 của Quy tắc này tham dự phiên họp giải quyết vụ tranh chấp. Trong trường hợp có sự đồng ý của các bên, Hội đồng Trọng tài có thể cho phép những người khác tham dự phiên họp giải quyết vụ tranh chấp.

4. Tại phiên họp giải quyết vụ tranh chấp, nếu thấy các bên không còn bất kỳ tài liệu hoặc chứng cứ có liên quan nào để cung cấp, Hội đồng Trọng tài tuyên bố phiên họp giải quyết vụ tranh chấp này là phiên họp cuối cùng. Sau khi kết thúc phiên họp cuối cùng, Hội đồng Trọng tài không có nghĩa vụ xem xét bất kỳ tài liệu hoặc chứng cứ bổ sung nào, trừ khi các bên có thỏa thuận khác.

Điều 26. Hoãn phiên họp giải quyết vụ tranh chấp

1. Nếu có lý do chính đáng, một bên hoặc các bên có thể yêu cầu Hội đồng Trọng tài hoãn phiên họp giải quyết vụ tranh chấp. Yêu cầu hoãn phiên họp giải quyết vụ tranh chấp phải bằng văn bản, nêu rõ lý do, kèm theo chứng cứ và gửi tới Trung tâm. Trong trường hợp Trung tâm không nhận được yêu cầu hoãn trước ngày mở phiên họp giải quyết vụ tranh chấp chậm nhất là 07 ngày làm việc thì bên yêu cầu hoãn phải chịu mọi chi phí phát sinh, nếu có.

Hội đồng Trọng tài quyết định chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu hoãn, thời hạn hoãn và thông báo cho các bên.

2. Hội đồng Trọng tài có thể hoãn phiên họp giải quyết vụ tranh chấp trong trường hợp có trở ngại khách quan.

Điều 27. Việc vắng mặt của các bên

1. Nguyên đơn đã được triệu tập hợp lệ tham dự phiên họp giải quyết vụ tranh chấp nhưng vắng mặt mà không có lý do chính đáng hoặc rời phiên họp giải quyết vụ tranh chấp mà không được Hội đồng Trọng tài chấp thuận thì được coi là đã rút Đơn khởi kiện. Trong trường hợp này, Hội đồng Trọng tài chỉ tiếp tục giải quyết vụ tranh chấp khi Bị đơn có yêu cầu hoặc có Đơn kiện lại.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ tham dự phiên họp giải quyết vụ tranh chấp nhưng vắng mặt mà không có lý do chính đáng hoặc rời phiên họp giải quyết vụ tranh chấp mà không được Hội đồng Trọng tài chấp thuận thì Hội đồng Trọng tài vẫn tiếp tục giải quyết vụ tranh chấp căn cứ vào tài liệu, chứng cứ hiện có.

2. Trong trường hợp có Đơn kiện lại, nếu Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ tham dự phiên họp giải quyết vụ tranh chấp nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng hoặc rời phiên họp giải quyết vụ tranh chấp mà không được Hội đồng Trọng tài chấp thuận thì được coi là đã rút Đơn kiện lại. Trong trường hợp này, Hội đồng Trọng tài chỉ tiếp tục giải quyết Đơn kiện lại khi Nguyên đơn có yêu cầu.
3. Theo yêu cầu của các bên, Hội đồng Trọng tài có thể căn cứ vào tài liệu và chứng cứ hiện có để tiến hành phiên họp giải quyết vụ tranh chấp mà không cần sự có mặt của các bên.
4. Hội đồng Trọng tài có thể tiến hành phiên họp giải quyết vụ tranh chấp kể cả khi có một bên yêu cầu được vắng mặt.

Điều 28. Thẩm quyền của Hội đồng Trọng tài

1. Hội đồng Trọng tài có thẩm quyền quyết định về thẩm quyền của chính mình, cho dù có phản đối về sự tồn tại hoặc hiệu lực của thỏa thuận trọng tài. Điều khoản trọng tài là một phần của hợp đồng được coi là một thỏa thuận độc lập với các điều khoản khác của hợp đồng. Quyết định của Hội đồng Trọng tài rằng hợp đồng vô hiệu không làm mất hiệu lực của thỏa thuận trọng tài.
2. Trước khi xem xét nội dung của vụ tranh chấp, Hội đồng Trọng tài phải xem xét sự tồn tại của thỏa thuận trọng tài, hiệu lực của thỏa thuận trọng tài, thỏa thuận trọng

tài có thể thực hiện được hay không và xem xét phạm vi thẩm quyền của mình cho dù có hay không có khiếu nại của một bên về các vấn đề này.

Trong trường hợp Hội đồng Trọng tài cho rằng thỏa thuận trọng tài có tồn tại, thỏa thuận trọng tài có hiệu lực và thỏa thuận trọng tài có thể thực hiện được thì Hội đồng Trọng tài tiếp tục giải quyết vụ tranh chấp.

Trong trường hợp Hội đồng Trọng tài cho rằng thỏa thuận trọng tài không tồn tại hoặc thỏa thuận trọng tài vô hiệu hoặc thỏa thuận trọng tài không thể thực hiện được thì Hội đồng Trọng tài ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ tranh chấp.

3. Hội đồng Trọng tài có thể lập riêng Quyết định về thẩm quyền của Hội đồng Trọng tài hoặc quyết định vấn đề thẩm quyền của Hội đồng Trọng tài trong Phán quyết trọng tài.
4. Trong quá trình giải quyết tranh chấp, nếu phát hiện Hội đồng Trọng tài vượt quá thẩm quyền, các bên có quyền khiếu nại với Hội đồng Trọng tài. Hội đồng Trọng tài phải xem xét, quyết định.

Điều 29. Hòa giải

Theo yêu cầu của các bên, Hội đồng Trọng tài tiến hành hòa giải. Biên bản hòa giải thành phải được lập trong trường hợp hòa giải thành. Biên bản hòa giải thành phải có chữ ký của các bên và chữ ký của các Trọng tài viên hoặc Trọng tài viên duy nhất. Trong trường hợp này, Hội đồng Trọng tài ra Quyết định công nhận hòa giải thành. Quyết định công nhận hòa giải thành của Hội đồng Trọng tài có hiệu lực như Phán quyết trọng tài.

Điều 30. Đình chỉ giải quyết vụ tranh chấp

1. Vụ tranh chấp được đình chỉ trong các trường hợp sau đây:
 - a) Nguyên đơn hoặc Bị đơn là cá nhân đã chết mà quyền và nghĩa vụ của họ không được thừa kế; Nguyên đơn hoặc Bị đơn là tổ chức đã chấm dứt hoạt động, bị phá sản, giải thể, hợp nhất, sáp nhập, chia, tách hoặc chuyển đổi hình

- thức tổ chức mà không có tổ chức nào tiếp nhận quyền và nghĩa vụ của tổ chức đó;
- b) Nguyên đơn rút Đơn khởi kiện trừ trường hợp Bị đơn có Đơn kiện lại;
 - c) Nguyên đơn được coi là đã rút Đơn khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 27 của Quy tắc này, trừ trường hợp Bị đơn có yêu cầu tiếp tục giải quyết vụ tranh chấp;
 - d) Các bên thỏa thuận chấm dứt giải quyết vụ tranh chấp;
 - đ) Khi có Quyết định của Hội đồng Trọng tài theo quy định tại khoản 2 Điều 28 của Quy tắc này;
 - e) Khi có Quyết định của Tòa án theo quy định của pháp luật.
2. Hội đồng Trọng tài ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ tranh chấp. Trong trường hợp Hội đồng Trọng tài chưa được thành lập thì Chủ tịch Trung tâm ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ tranh chấp.

Điều 31. Nguyên tắc lập Phán quyết trọng tài và các Quyết định của Hội đồng Trọng tài

Trong trường hợp Hội đồng Trọng tài gồm ba Trọng tài viên, Phán quyết trọng tài và các Quyết định của Hội đồng Trọng tài được lập theo nguyên tắc đa số. Nếu không đạt được đa số, Phán quyết trọng tài và các Quyết định của Hội đồng Trọng tài được quyết định bởi Chủ tịch Hội đồng Trọng tài.

Điều 32. Phán quyết trọng tài

- 1. Phán quyết trọng tài phải được lập bằng văn bản và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Ngày, tháng, năm và địa điểm lập Phán quyết trọng tài;
 - b) Tên, địa chỉ của Nguyên đơn và Bị đơn;
 - c) Tên của các Trọng tài viên hoặc Trọng tài viên duy nhất;

- d) Tóm tắt Đơn khởi kiện và các vấn đề tranh chấp; tóm tắt Đơn kiện lại và các vấn đề tranh chấp, nếu có;
 - đ) Căn cứ lập Phán quyết trọng tài, trừ khi các bên thỏa thuận không cần nêu căn cứ trong Phán quyết trọng tài;
 - e) Kết quả giải quyết vụ tranh chấp;
 - g) Thời hạn thi hành Phán quyết trọng tài;
 - h) Phân bổ phí trọng tài và các chi phí khác có liên quan;
 - i) Chữ ký của các Trọng tài viên hoặc Trọng tài viên duy nhất.
2. Khi có Trọng tài viên không ký vào Phán quyết trọng tài, Chủ tịch Hội đồng Trọng tài phải ghi việc này trong Phán quyết trọng tài và nêu rõ lý do. Trong trường hợp này, Phán quyết trọng tài vẫn có hiệu lực.
 3. Phán quyết trọng tài phải được lập trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc phiên họp cuối cùng giải quyết vụ tranh chấp.
 4. Phán quyết trọng tài phải được Hội đồng Trọng tài gửi tới Trung tâm ngay sau ngày lập. Trung tâm gửi ngay tới các bên bản chính hoặc bản sao có chứng thực của Phán quyết trọng tài. Các bên có quyền yêu cầu Trung tâm cấp thêm bản sao Phán quyết trọng tài và phải trả phí theo quy định của Trung tâm.
 5. Phán quyết trọng tài là chung thẩm và ràng buộc các bên.

Điều 33. Sửa chữa và giải thích Phán quyết trọng tài; lập Phán quyết trọng tài bổ sung

1. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Phán quyết trọng tài, trừ khi các bên có thỏa thuận khác về thời hạn, một bên có thể yêu cầu Hội đồng Trọng tài sửa lỗi chính tả, lỗi in, lỗi đánh máy và các lỗi khác có bản chất tương tự; lỗi số liệu do nhầm lẫn hoặc tính toán sai trong Phán quyết trọng tài và phải thông báo ngay cho bên kia. Nếu Hội đồng Trọng tài thấy yêu cầu này là chính đáng và có chứng cứ về việc yêu cầu này đã được thông báo cho bên kia thì phải lập Quyết định sửa chữa trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu.

2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày lập Phán quyết trọng tài, Hội đồng Trọng tài có thể chủ động lập Quyết định sửa chữa các lỗi trên.
3. Trừ khi các bên có thỏa thuận khác về thời hạn, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Phán quyết trọng tài, một bên có thể yêu cầu Hội đồng Trọng tài giải thích Phán quyết trọng tài và phải thông báo ngay cho bên kia. Nếu Hội đồng Trọng tài thấy yêu cầu này là chính đáng và có chứng cứ về việc yêu cầu này đã được thông báo cho bên kia thì phải lập Quyết định giải thích trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu.
4. Trừ khi các bên có thỏa thuận khác về thời hạn, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Phán quyết trọng tài, một bên có thể yêu cầu Hội đồng Trọng tài lập Phán quyết trọng tài bổ sung đối với các yêu cầu đã được trình bày trong quá trình tố tụng trọng tài nhưng không được ghi trong Phán quyết trọng tài và phải thông báo ngay cho bên kia. Nếu Hội đồng Trọng tài thấy yêu cầu này là chính đáng và có chứng cứ về việc yêu cầu này đã được thông báo cho bên kia thì phải lập Phán quyết trọng tài bổ sung trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu.
5. Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng Trọng tài có thể gia hạn thời hạn sửa chữa, giải thích Phán quyết trọng tài hoặc lập Phán quyết trọng tài bổ sung theo quy định tại các khoản 1, 3 và 4 Điều này.
6. Quyết định sửa chữa, Quyết định giải thích hoặc Phán quyết trọng tài bổ sung là một phần của Phán quyết trọng tài.
7. Việc sửa chữa, giải thích Phán quyết trọng tài và việc lập Phán quyết trọng tài bổ sung thực hiện theo nguyên tắc quy định tại Điều 31 và khoản 2 Điều 32 của Quy tắc này.

Điều 34. Phí trọng tài

Phí trọng tài gồm:

1. Chi phí để trả thù lao cho các Trọng tài viên giải quyết vụ tranh chấp;
2. Chi phí hành chính của Trung tâm liên quan đến việc giải quyết vụ tranh chấp;

3. Chi phí đi lại, ở và các chi phí có liên quan khác của các Trọng tài viên giải quyết vụ tranh chấp được quy định tại Văn bản hướng dẫn của Trung tâm có hiệu lực tại thời điểm lập dự tính chi phí; chi phí cho các trợ giúp khác theo yêu cầu của Hội đồng Trọng tài;
4. Chi phí giám định, định giá tài sản, chi phí tham vấn ý kiến chuyên gia.

Điều 35. Việc nộp phí trọng tài

1. Khi nộp Đơn khởi kiện, trừ khi các bên có thỏa thuận khác, Nguyên đơn phải nộp đủ các chi phí được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 34 của Quy tắc này theo Biểu phí trọng tài của Trung tâm có hiệu lực tại thời điểm nộp Đơn khởi kiện. Trong trường hợp Nguyên đơn không nộp đủ các chi phí này trong thời hạn do Trung tâm ấn định thì được coi là rút Đơn khởi kiện nhưng không ảnh hưởng đến quyền được nộp lại Đơn khởi kiện.
2. Trong trường hợp có Đơn kiện lại, trừ khi các bên có thỏa thuận khác, Bị đơn phải nộp đủ các chi phí nêu tại khoản 1 và khoản 2 Điều 34 của Quy tắc này theo Biểu phí trọng tài của Trung tâm có hiệu lực tại thời điểm nộp Đơn kiện lại. Trong trường hợp Bị đơn không nộp đủ các chi phí này trong thời hạn do Trung tâm ấn định thì được coi là rút Đơn kiện lại.
3. Các chi phí nêu tại khoản 3 Điều 34 của Quy tắc này được tạm ứng sau khi Hội đồng Trọng tài được thành lập. Trung tâm tham khảo ý kiến của Hội đồng Trọng tài để lập dự tính, quyết định một bên hoặc các bên phải tạm ứng các chi phí này và thông báo cho các bên biết. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Trung tâm, bên hoặc các bên được yêu cầu phải tạm ứng đủ các chi phí này, trừ khi các bên có thỏa thuận khác. Nếu các chi phí nêu tại khoản 3 Điều 34 của Quy tắc này không được tạm ứng đủ, Trung tâm có thể yêu cầu Hội đồng Trọng tài tạm dừng giải quyết vụ tranh chấp. Trong trường hợp này, một bên có thể tạm ứng thay cho bên kia theo yêu cầu của Trung tâm để quá trình tố tụng trọng tài được tiếp tục. Nếu các chi phí này không được tạm ứng đủ thì Hội đồng Trọng tài có thể tạm dừng việc giải quyết vụ tranh chấp.

4. Các chi phí nêu tại khoản 4 Điều 34 của Quy tắc này được nộp theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 19 của Quy tắc này.
5. Các chi phí nêu tại khoản 3 Điều 34 của Quy tắc này được Trung tâm tính và thông báo cho các bên và cho Hội đồng Trọng tài trước khi Hội đồng Trọng tài lập Phán quyết trọng tài. Nếu số tiền tạm ứng cao hơn chi phí thực tế thì Trung tâm hoàn trả số tiền còn dư cho bên đã tạm ứng. Nếu chi phí thực tế cao hơn số tiền tạm ứng thì các bên phải nộp bổ sung cho Trung tâm.

Điều 36. Quyết định về phí trọng tài và các chi phí khác

1. Hội đồng Trọng tài phân bổ phí trọng tài, trừ khi các bên có thỏa thuận khác.
2. Hội đồng Trọng tài có quyền quyết định một bên phải trả toàn bộ hoặc một phần chi phí pháp lý hoặc chi phí hợp lý khác của bên kia.

Điều 37. Thủ tục rút gọn

1. Thủ tục rút gọn được áp dụng nếu các bên có thỏa thuận áp dụng Thủ tục rút gọn.
2. Khi tiến hành Thủ tục rút gọn, các quy định sau được áp dụng:
 - a) Hội đồng Trọng tài gồm Trọng tài viên duy nhất, trừ khi các bên có thỏa thuận khác;
 - b) Trung tâm hoặc Hội đồng Trọng tài có thể rút ngắn bất kỳ thời hạn nào được quy định trong Quy tắc này;
 - c) Hội đồng Trọng tài căn cứ vào tài liệu và chứng cứ hiện có để tiến hành phiên họp giải quyết tranh chấp mà không cần sự có mặt của các bên, trừ khi có sự phản đối của một bên. Hội đồng Trọng tài có thể tiến hành phiên họp giải quyết vụ tranh chấp bằng hình thức teleconference, video-conference hoặc các hình thức thích hợp khác, trừ khi có sự phản đối của một bên.

Điều 38. Điều khoản chung

1. Trung tâm không tự mình giải quyết các vụ tranh chấp. Việc giải quyết các vụ tranh chấp được tiến hành bởi Hội đồng Trọng tài.
2. Việc giải quyết tranh chấp tại Trung tâm được tiến hành không công khai, trừ khi các bên có thỏa thuận khác. Hội đồng Trọng tài có quyền áp dụng các biện pháp thích hợp nếu thấy rằng một bên vi phạm quy định này.
3. Các bên có thể thỏa thuận rút ngắn các thời hạn liên quan tới Trung tâm hoặc Hội đồng Trọng tài quy định trong Quy tắc này với điều kiện có sự đồng ý của Trung tâm hoặc của Hội đồng Trọng tài.
4. Trong trường hợp một bên phát hiện có vi phạm quy định của pháp luật về trọng tài, của Quy tắc này hoặc của thỏa thuận trọng tài mà không phản đối trong thời hạn quy định của Quy tắc này thì mất quyền phản đối về những vi phạm đó. Đối với các trường hợp không quy định thời hạn phản đối thì việc phản đối phải được đưa ra chậm nhất trước thời điểm Hội đồng Trọng tài tuyên bố phiên họp giải quyết vụ tranh chấp là phiên họp cuối cùng, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.
5. Đối với các vấn đề không được quy định trong Quy tắc này, Trung tâm và Hội đồng Trọng tài có quyền hành động theo tinh thần của Quy tắc này và nỗ lực giải quyết vụ tranh chấp một cách công bằng và hiệu quả.
6. Chủ tịch Trung tâm có thể ủy quyền cho các Phó Chủ tịch Trung tâm ra các quyết định thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Trung tâm được quy định trong Quy tắc này.
7. Thư ký Trung tâm có nhiệm vụ thực hiện các công việc trong quá trình tổ tụng trọng tài theo Quy tắc này và theo quy định của Trung tâm.
8. Trung tâm có thể ủy quyền cho các Chi nhánh của Trung tâm thực hiện các công việc của Trung tâm được quy định trong Quy tắc này.